

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày 25 – 4 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Kiên Nhẫn
- Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Phú Đ, sinh năm 1990 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị H; vợ Nguyễn Thụy Thùy L1 và 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Trần Công T, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2/ Bà Trần Thị Giáng K, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Phú Đ là chuyên viên của Ngân hàng H4, chi nhánh tỉnh V có trụ sở đặt tại Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do có quen biết với vợ chồng anh Trần Công T và chị Trần Thị Giáng K nên trong quá trình công tác tại Ngân hàng H4, Đ biết được vợ chồng anh T và chị K vừa bán đất có tiền và có ý muốn cho vay tiền lấy lãi. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T và chị K.

Để tạo lòng tin cho vợ chồng anh T và chị K, vào khoảng tháng 9/2021 Đ đến nhà gặp, tự giới thiệu về nghề nghiệp và nói Đ đang có khách hàng đến ngân hàng nơi Đồng công tác để vay đáo hạn nên Đ sẽ giới thiệu khách hàng đến gặp anh T và chị K để vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng thì được vợ chồng anh T, chị K đồng ý. Sau khi thống nhất, vào giữa tháng 9/2021, Đ có điện thoại cho vợ chồng chị K nói có khách hàng cần vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và kêu vợ chồng chị K mang tiền ra Ngân hàng H4 phòng H4 đưa Đ để cho khách hàng của Đ vay. Vợ chồng chị K mang tiền ra đưa Đ vào buổi sáng thì đến buổi chiều cùng ngày, Đ điện thoại kêu vợ chồng chị K ra nhận tiền gốc và tiền lãi của số tiền vay buổi sáng. Đến ngày 29/9/2021, anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nhờ Đ tìm người cho anh H1 vay tiền nên Đ dẫn anh H1 đi gặp vợ chồng anh T, chị K để vay. Do có khách hàng của Đ là anh H1 cùng đến nên vợ chồng anh T, chị K đã cho anh H1 vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) với lãi suất 10%/tháng. Đến ngày 05/10/2021, anh H1 cần vay thêm số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) nên đã nhờ Đ đến gặp vợ chồng anh T, chị K để vay. Cả hai lần vay này anh H1 đều vay thật và anh H1 có ký vào hợp đồng vay với số tiền cả hai lần là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng).

Sau khi biết được anh T và chị K đã tin tưởng, Đ lấy thông tin của những khách hàng mà trước đó Đ đã làm hồ sơ vay ngân hàng để soạn sẵn hợp đồng vay tiền và tự ký tên giả chữ ký của người vay sau đó mang hợp đồng đến gặp anh T, chị K để ký tên và giao tiền cho Đ. Khi Đ đến một mình thì vợ chồng anh T, chị K có hỏi Đ là khách hàng đâu, sao không đi cùng Đ thì Đ nói dối là khách hàng đang làm thủ tục vay đáo hạn ở Ngân hàng nên không cùng vào được và nhờ Đ vào nhận tiền giúp. Do đó, vợ chồng anh T và chị K tin tưởng Đ, ký tên vào hợp đồng và giao tiền cho Đ theo như hợp đồng vừa ký.

Bằng thủ đoạn như trên, Đ đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh T, chị K với các lần cụ thể như sau:

- Vào chiều ngày 29/9/2021, Đ gọi điện cho anh T nói có khách hàng tên Huỳnh Thị Hồng H2 vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng trong vòng 15 ngày sẽ trả gốc và lãi rồi chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 01/10/2021, Đ gọi điện cho anh T nói có khách hàng tên Nguyễn Hoài S vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng trong vòng 15 ngày sẽ trả gốc và lãi rồi chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 11/10/2021, Đ gọi điện cho chị K nói có khách hàng tên Nguyễn Thị H3 vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng trong vòng 15 ngày sẽ trả gốc và lãi rồi chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

- Ngày 13/10/2021, Đ gọi điện cho chị K nói có khách hàng tên Huỳnh Hữu P vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng trong vòng 15 ngày sẽ trả gốc và lãi rồi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tổng số tiền Đ đã chiếm đoạt của vợ chồng anh T, chị K là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Phú Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy Nguyễn Phú Đ đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 26/10/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Phú Đ để tiến hành điều tra.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Phú Đ đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Công T và chị Trần Thị Giáng K.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKSTB ngày 17/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Phú Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Phú Đ thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Đối với hành vi của anh Trần Công T và chị Trần Thị Giáng K cho bị cáo Nguyễn Phú Đ vay số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng) với lãi suất cho vay là 10%/tháng. Tuy nhiên phía anh T và chị K chưa nhận được lãi của Nguyễn Phú Đ, do đó hành vi của anh Trần Công T và chị Trần Thị Giáng K chưa đủ yếu tố cấu thành tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố

đối với bị cáo Nguyễn Phú Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Đ mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin lỗi bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2021 tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo Nguyễn Phú Đ đã dùng thủ đoạn gian dối thông qua hình thức vay tiền để đảo hạn ngân hàng để chiếm đoạt số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) của vợ chồng anh Trần Công T và chị Trần Thị Giáng K.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Phú Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật

bảo vệ. Bản thân bị cáo là thanh niên có sức khỏe lại không chí thú làm ăn. Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại xong; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại chị K, anh T có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có cậu ruột tên Hồ Văn L2 có tham gia cách mạng được nhà nước tặng bằng khen; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đ phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Đ 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Phú Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo